FireAnt

CTCP Đường Quảng Ngãi (UPCOM: QNS)

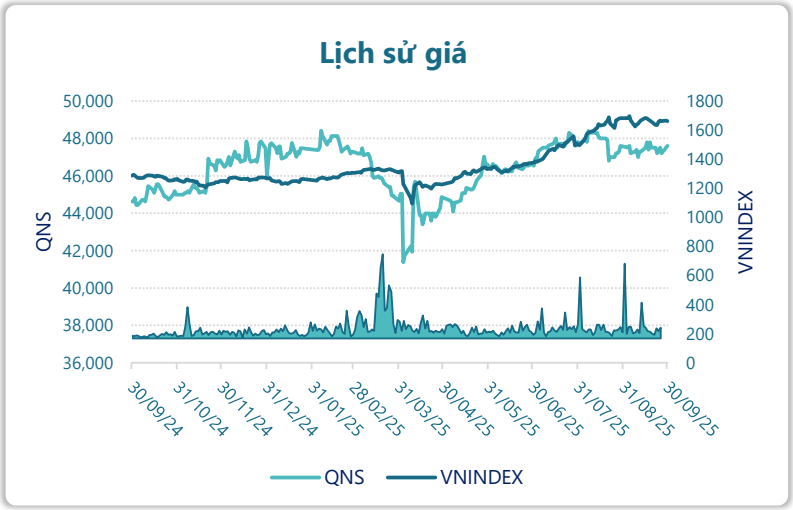

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**47,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	48,414
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	41,377
SL cổ phiếu LH	367,648,153
KLGD BQ 20 phiên (CP)	98,885
% sở hữu nước ngoài	7.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	17,500
P/E	9.0
EPS	5,280

DT thuần

Q3/25

2,685

tỷ VNĐ

QoQ: ▼233| -8.0%

YoY: ▼42.0| -1.5%

LN sau thuế

Q3/25

381

tỷ VNĐ

QoQ: ▼165| -30.2%

YoY: ▼151| -28.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

17.3%

+/- YoY: ▼ 4.9%

DT thuần

9T 2025

7,872

tỷ VNĐ

YoY: ▼197| -2.4%

LN sau thuế

9T 2025

1,319

tỷ VNĐ

YoY: ▼436| -24.9%

ROE

Q3/25

20.0%

+/- YoY: ▼ 7.8%

Kết quả kinh doanh

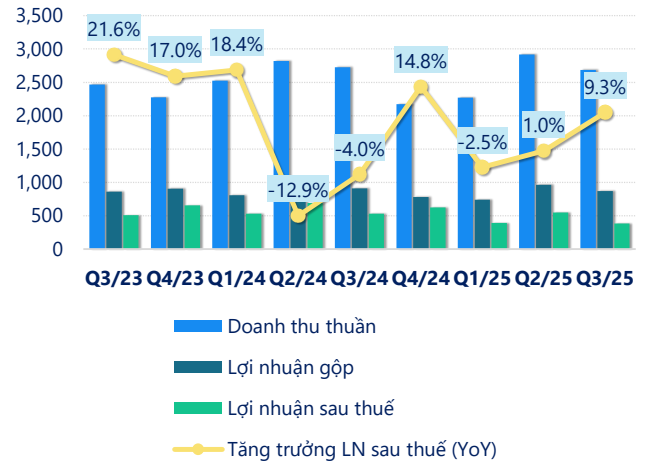

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

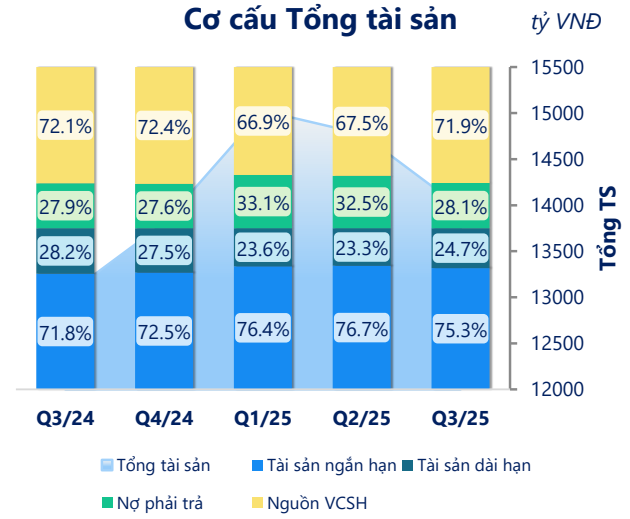

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

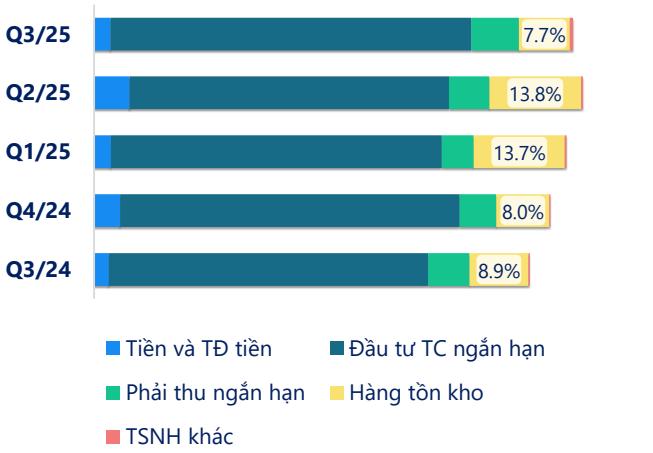

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

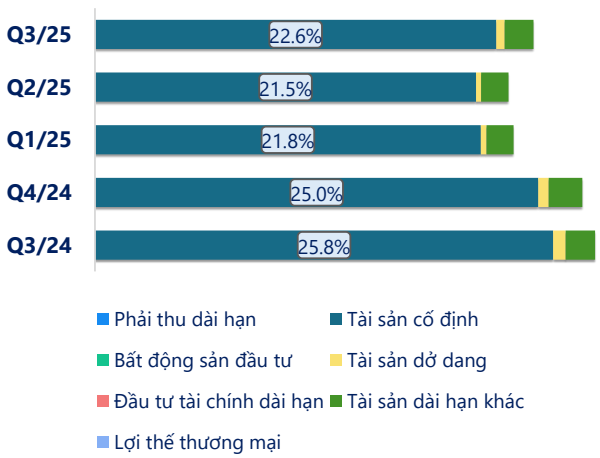

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

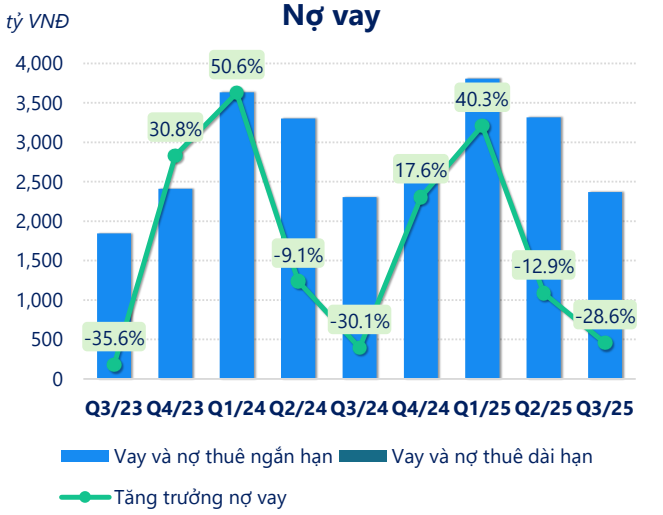

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

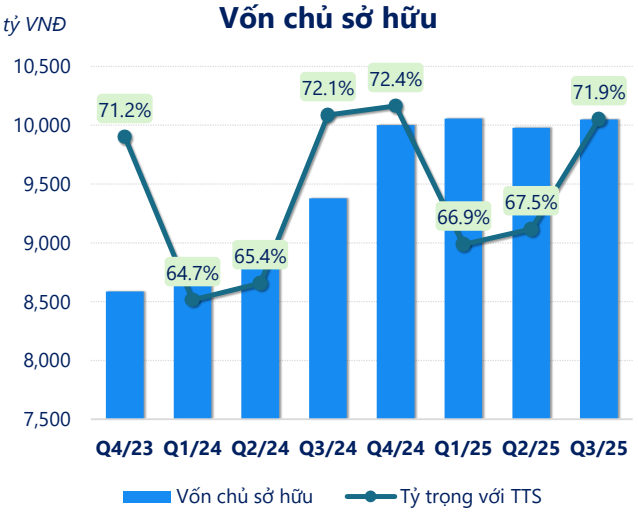

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

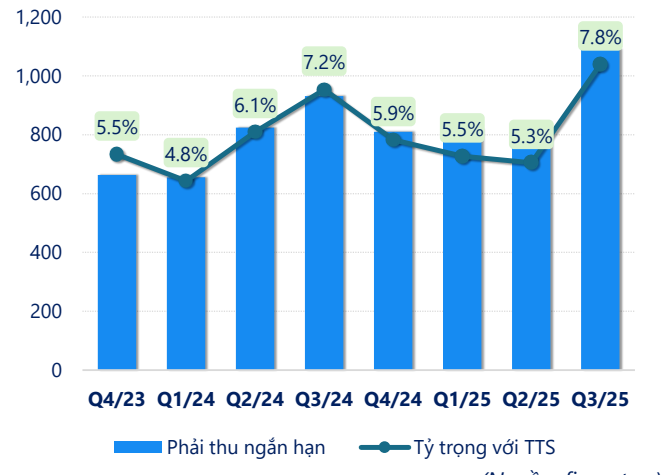

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

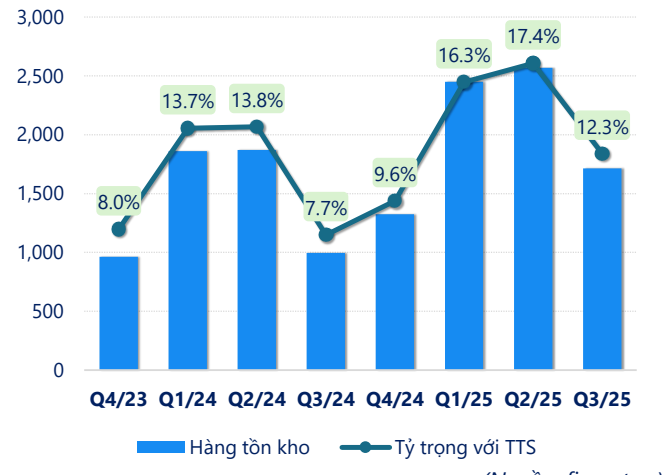

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

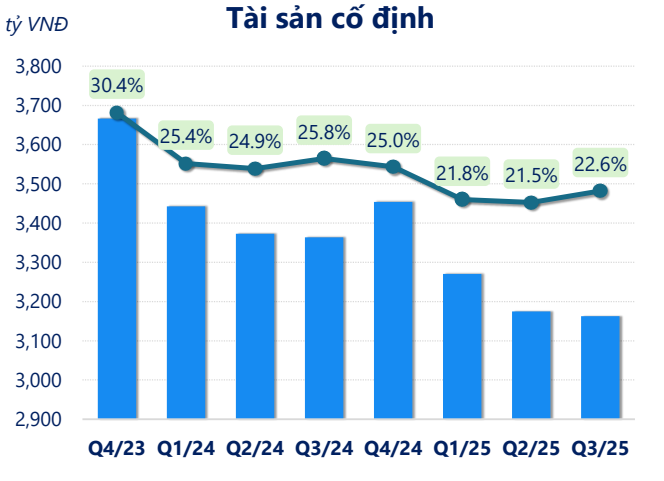

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

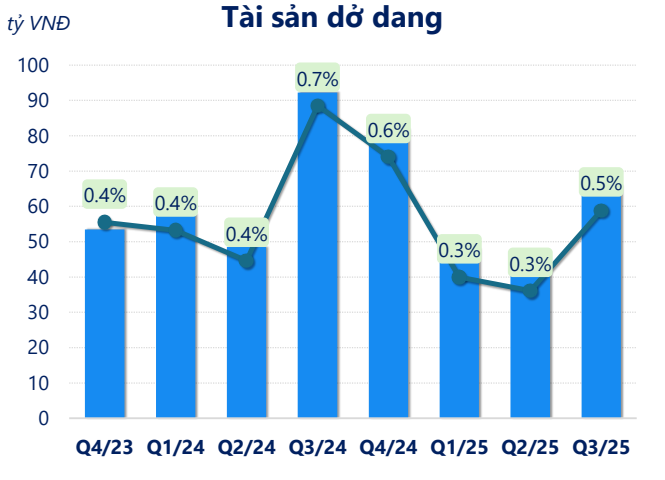

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

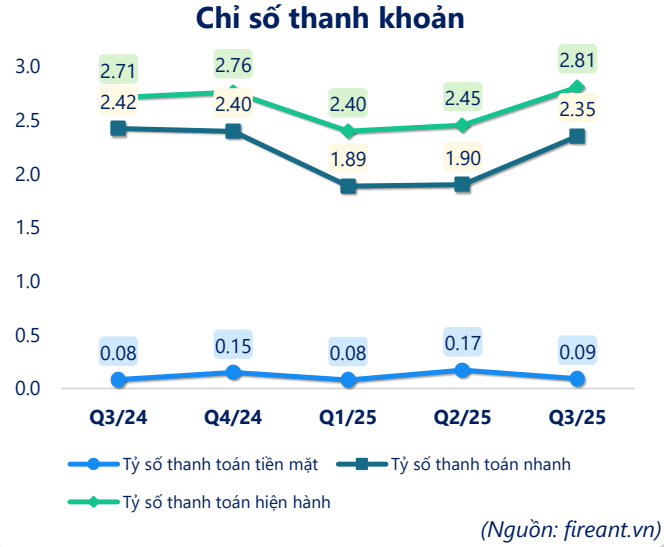

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

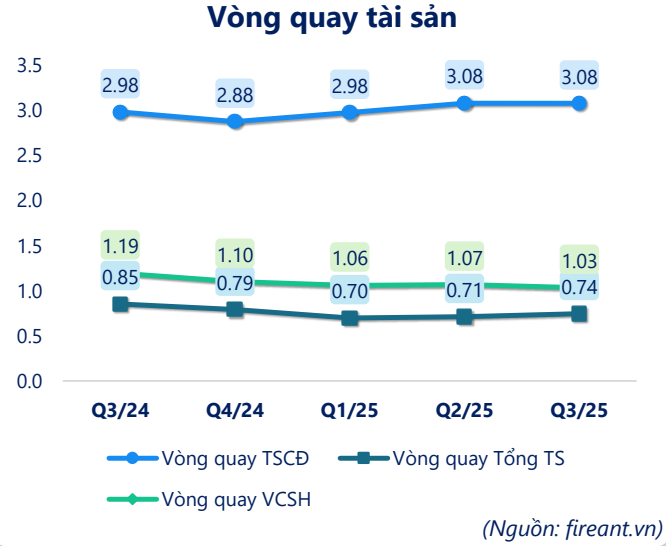

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**13,014**	**13,809**	**15,025**	**14,774**	**13,972**
Tài sản ngắn hạn	**9,342**	**10,011**	**11,477**	**11,328**	**10,515**
Tiền và tương đương tiền	286	539	379	791	346
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7,064	7,299	7,787	7,137	7,332
Phải thu ngắn hạn	931	810	819	781	1,089
Hàng tồn kho	996	1,324	2,450	2,568	1,714
Tài sản ngắn hạn khác	64.3	39.1	41.6	51.4	34.1
Tài sản dài hạn	**3,672**	**3,798**	**3,548**	**3,446**	**3,457**
Phải thu dài hạn	0.43	0.43	0.43	0.81	0.81
Tài sản cố định	3,363	3,454	3,270	3,175	3,162
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	92.2	81.8	48.0	42.7	65.8
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	216	262	229	227	228
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**3,634**	**3,806**	**4,967**	**4,795**	**3,924**
Nợ ngắn hạn	**3,446**	**3,626**	**4,787**	**4,615**	**3,745**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,307	2,714	3,807	3,317	2,368
Phải trả người bán ngắn hạn	168	464	344	305	251
Nợ dài hạn	188	180	180	180	180
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**9,380**	**10,002**	**10,057**	**9,979**	**10,048**
Vốn chủ sở hữu	**9,380**	**10,002**	**10,057**	**9,979**	**10,048**
Vốn điều lệ	3,676	3,676	3,676	3,676	3,676
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)